

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân** Chức vụ: **Người được UQCBTT**

Loại thông tin công bố: 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18 / 4 /2020 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

Tên tiếng anh : **ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : BÌNH DƯƠNG ACC

Giấy CNĐKDN : 3700926112

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)

Địa chỉ : Lô D_3_CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274 3 567200

Fax : 0274 3 567201

Email : becamexacc@gmail.com

Website : www.becamexacc.com.vn

Mã cổ phiếu : ACC



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 2 Xi nghiệp Bê tông nhựa nóng và Xi nghiệp công bê tông cốt thép trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3700926112** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/6/2008 với vốn điều lệ **60.000.000.000** đồng.

Ngày 11/6/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 1) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Năm 2009, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2009.

Năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên **100.000.000.000** đồng. Ngày 05/11/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 2).

Ngày 21/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 3) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 22/5/2014, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 4) bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Ngày 19/6/2015, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 5) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 02/6/2014, Công ty mua 4.479.600 cổ phiếu BMJ, chiếm 74,66% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP).

Ngày 28/6/2014, Công ty mua 65.900 cổ phiếu BHCC của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương và ngày 30/7/2015 Công ty nhận được 19.770 cổ phiếu thưởng BHCC nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 85.670 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Ngày 10/7/2014, Công ty mua thêm 1.245.000 cổ phiếu HJC của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 12,45% vốn điều lệ.

Ngày 01/7/2015, Công ty mua 900.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG), chiếm 60% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của ABG.

Ngày 09/5/2016, Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trong năm 2017, Công ty đã góp vốn lần 2 tại Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình với 450.000 cổ phần do Công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số cổ phần sở hữu lên 1.350.000 cổ phần.

Ngày 01/02/2019, Tổng Công ty Becamex IDC bán toàn bộ 7.336.704 cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông Becamex mà mình sở hữu cho cổ đông khác.

Ngày 10/05/2019, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 6) Công ty Cổ phần Bê tông Becamex đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh chính

- ❖ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao.
- ❖ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- ❖ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- ❖ Xây dựng công trình công ích khác.
- ❖ Cho thuê máy móc thiết bị và các đồ dùng hữu hình khác.
- ❖ Đầu tư và kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.



Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC trong địa bàn tỉnh Bình Dương và một số tỉnh lân cận.



Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

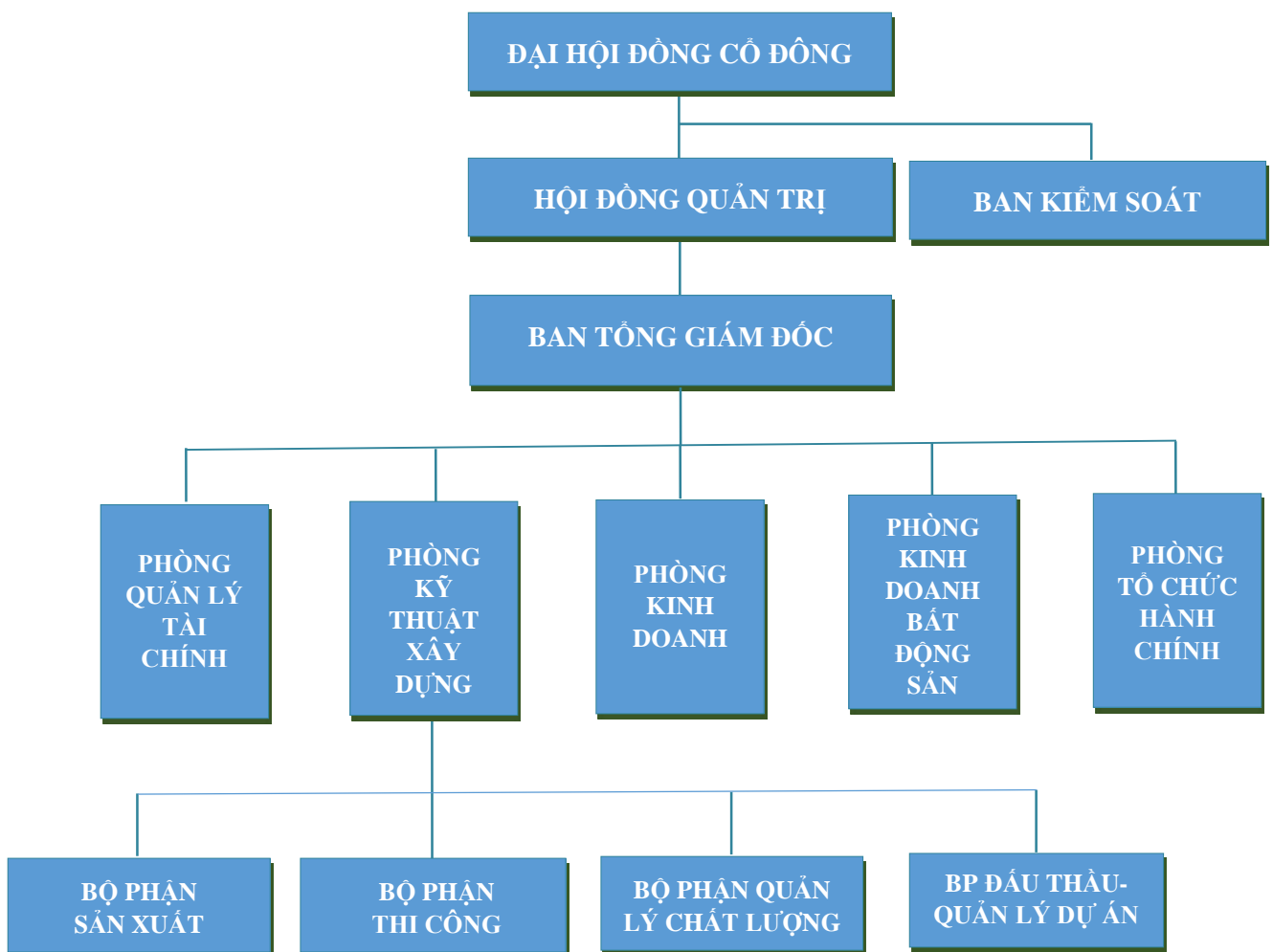
Hội đồng quản trị (HDQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất của Công ty; thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, HDQT và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được ĐHĐCĐ và HDQT thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ công ty



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Mã cổ phiếu: BMJ

Địa chỉ: Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát); Sản xuất vật liệu xây dựng; Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản; Kinh doanh vận tải hàng hoá; San lấp mặt bằng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng; Dịch vụ nhà ở công nhân. ACC nắm giữ 4.479.600 cổ phần, chiếm 74,66% vốn điều lệ BMJ.

Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình

Tên viết tắt: ABG.

Địa chỉ: Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động đập vỡ, nghiền đá). ACC nắm giữ 1.350.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ.



Với phương châm không ngừng mở rộng thị trường kinh doanh, Bình Dương ACC ngoài việc đầu tư vốn để trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối, để phát triển đa dạng ngành nghề kinh doanh, Bình Dương ACC đã đầu tư góp vốn vào các công ty sau:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước

Mã cổ phiếu: HJC. Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 12,45% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động của bệnh viện; Hoạt động của phòng khám chữa bệnh; Bán buôn dược phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị y khoa.

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương

Viết tắt: BHCC. Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 65.900 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh: - Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bur điện; - Xây lắp điện trung hạ thế (đến 35KVA), hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu và biển báo giao thông; - Trồng cây đô thị; - Dịch vụ sơn kẽ vạch phân luồng bằng sơn nóng; - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bur điện và công trình xây lắp điện trung thế; - Thiết kế xây dựng cầu, đường bộ.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ với giá cả cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.



Củng cố thị trường truyền thống, đẩy mạnh và phát huy việc mở rộng thị trường mới thông qua việc cung cấp cho thị trường các sản phẩm đảm bảo chất lượng, dịch vụ tốt với tinh thần trách nhiệm cao, phù hợp với yêu cầu và lợi ích khách hàng.



Với chính sách "Chất lượng cho mọi công trình", Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC cam kết không ngừng sáng tạo để trở thành nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng với chất lượng ưu thế vượt trội, uy tín, hiệu quả, góp phần kiến tạo môi trường sống văn minh và hiện đại cho cộng đồng.



Tiếp tục phát huy thế mạnh những ngành nghề chủ lực và phát triển đa dạng các dòng sản phẩm hiện có với giá cạnh tranh, chất lượng tốt; phát triển thêm ngành nghề mới, đem lại lợi ích tối ưu cho cổ đông, đóng góp vào công cuộc đổi mới của tỉnh nhà, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.

Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng tài chính vững mạnh, tạo thế và lực phát triển bền vững.

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Công ty theo đuổi chính sách “Chất lượng cho mọi công trình”, vì vậy việc không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình là chiến lược xuyên suốt của Công ty.

Tăng cường quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty một cách phù hợp thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, đặc biệt trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới thông qua các công nghệ tiên tiến để tăng sản lượng, quy mô, đảm bảo đầu tư có hiệu quả và đúng thời điểm trong tương lai.

Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ CNV Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Với mục tiêu hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận để đảm bảo thu nhập và môi trường làm việc đối với người lao động ở điều kiện tốt nhất như đã đề ra, Bình Dương ACC cố gắng không ngừng mở rộng mạng lưới tiêu thụ, cải thiện các chính sách cho người lao động, nâng cao trình độ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu của Công ty.

Luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại nhà máy và các công trình thi công, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, thi công. Kiểm tra định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất, thi công, phương tiện vận tải, phân loại chất thải theo đúng quy định.



RỦI RO



Rủi ro đặc thù ngành: Trong hoạt động xây dựng, việc thu hồi nợ, quá trình giải ngân của các công trình thi công xong khá chậm do thời gian thi công thường kéo dài, việc nghiệm thu công trình hay bàn giao thường được thực hiện trễ hơn dự kiến, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như việc quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng một phần tới hoạt động quay vòng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp: Là một Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, ngoài chịu điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các văn bản dưới luật có liên quan, các quy định của ngành, các văn bản về thuế thường xuyên thay đổi. Sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc này gây khó khăn cho hoạt động thực thi, áp dụng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm hạn chế những rủi ro này, Công ty phải thường xuyên phổ cập kiến thức về pháp luật để toàn thể nhân viên có thể nắm bắt được và tự chủ hành vi của mình theo đúng quy định pháp luật. Thường xuyên rà soát các quy chế nội bộ của Công ty để có những sửa đổi, bổ sung phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.



Rủi ro cạnh tranh: Nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, trước áp lực mở cửa thị trường và tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, Công ty cũng tăng cường công tác nghiên cứu, thâm nhập thị trường mới nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về giá và thị phần giữa các doanh nghiệp trong nội bộ ngành. Hiện nay, Công ty phải chịu sức cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp hoạt động chung ngành nghề.

Ứng phó với rủi ro trên, Bình Dương ACC phải củng cố lại các mặt hoạt động, quản trị chi phí hiệu quả hơn nữa để giảm giá thành sản phẩm, dự trữ nguồn nguyên liệu chính, tìm kiếm nguồn cung ứng mới để giảm áp lực từ phía nhà cung cấp hiện tại, thâm nhập sâu hơn vào thị trường hiện hữu, phân loại khách hàng để có chính sách bán hàng thích hợp. Bên cạnh đó, dưới áp lực cạnh tranh ngày càng cao Công ty không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công nghệ sản xuất, thi công để đáp ứng nhu cầu hiện nay.

Rủi ro khác: Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Bình Dương ACC thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC năm 2019

Công ty mẹ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	278.060.083.489	412.897.099.979	148%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	83.567.953.290	137.070.606.885	164%
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	123.588.015.887	164.612.309.793	133%
	<i>Cống BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	61.084.714.312	97.268.358.075	159%
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	3.000.000.000	3.201.486.074	107%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	6.819.400.000	7.203.678.915	106%
2	Tổng chi phí	248.396.634.319	365.939.418.769	147%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	29.663.449.170	46.957.681.210	158%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.074.639.336	38.960.855.439	155%

Trong năm 2019, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể nhân viên, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra.



Công ty con: Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019
1	Tổng doanh thu	81.626.729.045
1.1	Doanh thu bán hàng	77.406.556.386
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.525.356.734
1.3	Thu nhập khác	1.694.815.925
2	Tổng chi phí	62.404.379.159
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	19.222.349.886
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.302.559.920

Công ty con: Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG)

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019
1	Tổng doanh thu	11.087.137.349
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10.708.791.754
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	196.918.504
1.3	Thu nhập khác	181.427.091
2	Tổng chi phí	10.751.028.188
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	336.109.161
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	336.109.161

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2019

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH hợp nhất năm 2019	TH hợp nhất năm 2019	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	379.322.683.489	482.115.279.496	127%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	43.431.043.176	57.274.742.812	132%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	35.163.433.342	45.862.526.564	130%
3.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	29.185.050.502	42.339.968.607	
3.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.624.460.244	3.522.557.957	

Tình hình đầu tư, góp vốn

Tính đến thời điểm hiện nay, tỷ lệ đầu tư góp vốn vào các Công ty như sau:

Công ty	BMJ	ABG	HJC	BHCC
Số cổ phần sở hữu	4.479.600	1.350.000	2.490.000	85.670
Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	74.66%	60%	12.45%	10.98%

Trong năm công ty đầu tư thêm xe máy để đáp ứng yêu cầu thi công với tổng giá trị là **260.000.000** đồng.

Tổ chức và nhân sự**Danh sách Ban điều hành****ÔNG: NGUYỄN HỒNG TUYẾN****TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trình độ chuyên môn: Xây dựng cầu đường.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 20/3/2020): 0,001%.

Quá trình công tác:

Từ năm 2004 - 2005: nhân viên văn phòng Công ty Cổ phần Giao thông Vận tải Lam Hồng.

Từ tháng 9/2005 - 01/2006: nhân viên Bộ phận xây dựng và bất động sản Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Tháng 02/2006: nhân viên Trạm cầu kiện bê tông đúc sẵn Mỹ phước thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Từ tháng 3/2006 - 8/2006: Phó bộ phận cầu kiện bê tông Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Từ tháng 9/2006 - 11/2006: Phó bộ phận cầu kiện bê tông kiêm giám sát công trường Xí nghiệp xây dựng TDC thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Tháng 3/2007: nhân viên Xí nghiệp bê tông thuộc Phòng sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP).

Từ tháng 7/2008 - 3/2011: Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 4/2011 - 5/2015: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ ngày 01/6/2015 - 11/6/2015: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kinh doanh kiêm Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 12/06/2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

BÀ: PHẠM THỊ SƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

Trình độ chuyên môn: Kế toán.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 20/03/2020): 0,11% .

Quá trình công tác:

Từ tháng 8/1976 đến năm 1992: Công tác tại Công ty Thương nghiệp huyện Bến Cát

Từ năm 2004 đến tháng 6/2008: Công tác tại Xí nghiệp sản xuất công bê tông cốt thép trực thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 7/2008: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 27/4/2011 đến 24/4/2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê Tông Becamex.

Từ ngày 25/4/2013 đến 11/6/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ ngày 12/6/2015 đến 23/4/2018: thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ ngày 23/4/2018 đến 31/12/2019: Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

ÔNG: NGUYỄN QUỐC THANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 20/03/2020): 0%.

Quá trình công tác:

Năm 1989 đến 1991: công tác tại chi nhánh TP HCM, chi nhánh Tỉnh Kiên giang thuộc Công ty xuất nhập khẩu huyện Bến Cát, Bình Dương.

Năm 1992 đến 1997: công tác tại nhà máy chế biến cao su Bù chí thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một Thành viên (Nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP).

Năm 1998 đến 2000 công tác tại chi nhánh TP HCM, chi nhánh Cần Thơ, chi nhánh Hà nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một Thành viên.

Năm 2001 đến 2002 công tác tại nhà máy chế biến cao su Bù chí thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một Thành viên (Nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP).

Năm 2003 đến 2007 công tác tại Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

Năm 2008 đến 2009 công tác tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị.

Năm 2010 đến tháng 7 năm 2019 công tác tại Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

Tháng 8 năm 2019 đến tháng 2/2020 công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

Tháng 3 năm 2020 đến nay công tác tại Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

ÔNG: NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Xây dựng cầu đường

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 20/03/2020): 0,00024%.

Quá trình công tác:

Từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2006: Giám sát thi công tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 10/2006 đến tháng 6/2007: Phó Giám Đốc Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu xây dựng Becamex.

Từ tháng 7/2008 đến 11/02/2020: Phó Tổng giám đốc - kiêm Trưởng Phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Từ ngày 12/02/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

BÀ: NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 20/03/2020): 0,19%.

Quá trình công tác:

Ngày 01/04/2003: Kế toán tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - CTCP.

Từ tháng 7/2008 đến tháng 2/2009: Kế toán kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 3/2009 đến ngày 28/2/2011: Phụ trách phòng kinh doanh kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ ngày 01/3/2011 đến ngày 31/7/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/8/2015 đến 13/05/2019: Phó Tổng giám đốc phụ trách Phòng quản lý tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 14/05/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm có sự thay đổi trong Ban điều hành như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng giám đốc tài chính	Miễn nhiệm kể từ ngày 14/5/2019
2	Phạm Huy Hậu	Phó Tổng giám đốc tài chính	Bỏ nhiệm kể từ ngày 14/5/2019
3	Nguyễn Quốc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm kể từ ngày 25/7/2019
4	Phạm Thị Sương	Phó Tổng giám đốc thường trực	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/01/2020

Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2019

Chỉ tiêu	Năm 2019	
	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	240	100
Cao học	02	0,83
Đại học	48	20
CD & TC	20	8,33
CN Kỹ thuật	41	17,08
Lao động phổ thông	129	53,75
Theo hợp đồng	240	100
HĐLĐ không xác định thời hạn	172	71,66
HĐLĐ có thời hạn	66	27,5
HĐLĐ thời vụ	2	0,83

Những thay đổi trong các chính sách quản lý nhân sự

Với phương châm “Con người là cốt yếu của sự phát triển”, trong năm qua Công ty đã chú trọng hoàn thiện hệ thống, chính sách phúc lợi để thu hút nhân tài, khuyến khích người lao động phát huy hiệu quả, tăng năng suất lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động, Luật BHXH và các quy định pháp luật hiện hành. Chính sách chăm lo đời sống cho nhân viên cũng được Công ty chú trọng phát huy như: Thưởng Tết Nguyên Đán; khen thưởng con em nhân viên có thành tích học tập tốt; tổ chức các chương trình thường niên dành cho nhân viên nữ. Ngoài ra, do tính chất đặc thù của ngành nghề kinh doanh, Công ty có các khoản phụ cấp phù hợp cho nhân viên công tác tại các công trình như: phụ cấp đi lại, phụ cấp công tác, phụ cấp đặc biệt cho các công trình xa, phụ cấp bằng hiện vật (đường, sữa)...

Chính sách phúc lợi

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn...theo quy định hiện hành của pháp luật. Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên Công ty. Phối hợp với tổ chức đoàn thể thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, hiếu, hỷ, thai sản...

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÔNG TY CON		CÔNG TY LIÊN KẾT	
			BMJ	ABG	HJC	BHCC
1	Vốn góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2019	Tr.đồng	81.806	19.782	231.324	2.957
2	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	138.079	20.634	476.891	21.153
3	Doanh thu thuần	Tr.đồng	77.406	10.708	275.589	4.256
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	17.867	154	21.468	-3.047
5	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	1.354	181	3.669	0
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	19.222	336	25.138	-3.047
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	15.302	336	22.408	-3.047

Tình hình tài chính Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng giá trị tài sản	318.416.778.678	414.374.245.870
2	Doanh thu thuần	304.334.582.563	402.152.760.827
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33.000.683.924	43.444.829.946
4	Lợi nhuận khác	222.097.609	3.512.851.264
5	Lợi nhuận trước thuế	33.222.781.533	46.957.681.210
6	Lợi nhuận sau thuế	27.834.676.309	38.960.855.439

❖ **Tình hình tài chính hợp nhất**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng giá trị tài sản	367.048.564.435	497.020.015.810
2	Doanh thu thuần	380.456.965.040	473.638.332.071
3	LN từ hoạt động kinh doanh	41.824.930.955	52.372.586.214
4	LN khác	238.571.093	4.902.156.598
5	LN trước thuế	42.063.502.048	57.274.742.812
6	LN sau thuế	33.274.982.048	45.862.526.564

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,77	1,58
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,57	1,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,39	0,49
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,65	0,99
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1,99	0,77
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,96	0,97
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	9,15%	10%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	14,38%	19%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	8,74%	9%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	10,84%	11%

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,33	1,89
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,14	1,5
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,37	0,5
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,58	1
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,21	0,84
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,04	0,95
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	8,75%	10%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	14,34%	18%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	9,07%	9%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	10,99%	11%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

❖ Cổ phần

STT	Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
1	Mã CK	ACC	
2	Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần	
3	Thị trường niêm yết	Sở giao dịch chứng khoán HCM	
4	Người chịu trách nhiệm CBTT	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân Phương Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	
5	Tổng số Cổ phần đang lưu hành	10.000.000	100%
6	Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông	

- Tất cả số cổ phần đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần chuyên nhượng tự do: **9.500.000** cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **500** cổ phần.

Trong năm, Công ty không có các đợt tăng vốn cổ phần nên không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

❖ Cơ cấu cổ đông:(Theo Danh sách cổ đông ACC chốt ngày 20/3/2020)

	Số lượng	Số CP SH	Tỷ lệ
Cá nhân trong nước	395	5.354.716	53,54
+ Chưa lưu ký	24	11.600	0,0011
+ Đã lưu ký	371	5.343.116	53,43
Tổ chức trong nước	10	2.490.058	24,90
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	10	2.490.058	24,90
CỘNG TRONG NƯỚC	405	7.844.774	78,44
+ Chưa lưu ký	24	11.600	0,11
+ Đã lưu ký	381	7.833.174	78,33
Cá nhân nước ngoài	20	214.530	2,15
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	20	214.530	2,15
Tổ chức nước ngoài	11	1.940.696	19,40
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	11	1.940.696	19,40
CỘNG NƯỚC NGOÀI	31	2.155.226	21,55
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	31	2.155.226	21,55
TỔNG CỘNG	436	10.000.000	100

❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có giao dịch

❖ Các chứng khoán khác

Không có



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Việt Nam là 1 trong những quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng lớn từ thiên tai và biến đổi khí hậu, nền kinh tế phát triển đã đặt ra nhiều vấn đề về môi trường cần phải giải quyết để đạt được sự phát triển bền vững. Bình Dương ACC luôn chú trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng mà Công ty luôn nỗ lực thực hiện. Tất cả các dự án mà Công ty thực hiện luôn cố gắng giảm thiểu tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động sản xuất, thi công của Công ty đem lại.

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Trong năm 2019, Công ty đã nhập khối lượng lớn các nguồn nguyên vật liệu khác nhau phục vụ sản xuất các sản phẩm và thi công chính của Công ty như: nhựa đường, bê tông, thép, cát, đá, xi măng, xăng, dầu các loại..., các loại vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước để phục vụ cho thi công. Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường và ngược lại môi trường cũng cũng góp phần tạo nên thuận lợi hay khó khăn cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được rõ những tác động mà hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra cho môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm quản lý tốt nguồn nguyên vật liệu để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

Tiêu thụ năng lượng điện

Điện (KWh)		Tỷ lệ 2019/2018
2018	2019	
801.540	775.420	96%

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ năng lượng, Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm hiểu, áp dụng các phương án sử dụng năng lượng hiệu quả nhất để tiết kiệm năng suất tiêu thụ điện nhằm đảm bảo được an ninh năng lượng nhà nước, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp như: tắt tất cả các thiết bị điện văn phòng, nhà máy khi không có nhu cầu sử dụng nhằm giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các thiết bị điện như đèn chiếu sáng, máy lạnh....dòng tiết kiệm điện.

Tiêu thụ nước**Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng**

Hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn nước tại Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương, trung bình 1.234m³/tháng.

Chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn nước

Tại các công trình thi công, Công ty luôn triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm nhất, triển khai áp dụng các biện pháp tái sử dụng nước nếu có thể.

Đội bảo trì thường xuyên kiểm tra và khắc phục đường ống dẫn nước khi có sự cố để tránh rò rỉ, thất thoát nguồn tài nguyên nước.

Tận dụng nguồn nước từ sông Thị Tính để bảo dưỡng cống bê tông cốt thép, tưới cây xanh, chống bụi khu vực xung quanh trạm sản xuất và nhà máy.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định liên quan đến tác động môi trường, là một trong những yếu tố cấu thành hành động và trách nhiệm với môi trường và xã hội. Trong hoạt động kinh doanh

của mình, Công ty luôn xem xét các tiêu chí Xanh là một trong những yêu cầu đối với công tác thiết kế và thi công trên công trường đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực thi công và các vùng lân cận, nhờ đó làm tăng giá trị doanh nghiệp đối với khách hàng và góp phần bảo vệ môi trường một cách thiết thực hơn.

Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn trong các nhà máy sản xuất, kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo đúng quy định.

Bình Dương ACC cam kết toàn thể nhân viên Công ty nhận thức và hành động hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.

Số lần vi phạm và tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm 2019 và các năm trước đó, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường vì vậy Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 là 240 người. Trong đó, tổng số lao động nữ là 30 người. Thu nhập bình quân 8.141.843 đồng/người/năm.

Trình độ chuyên môn chia ra như sau

Trình độ trên đại học: 2 người, chiếm 0,83% Tổng lao động.

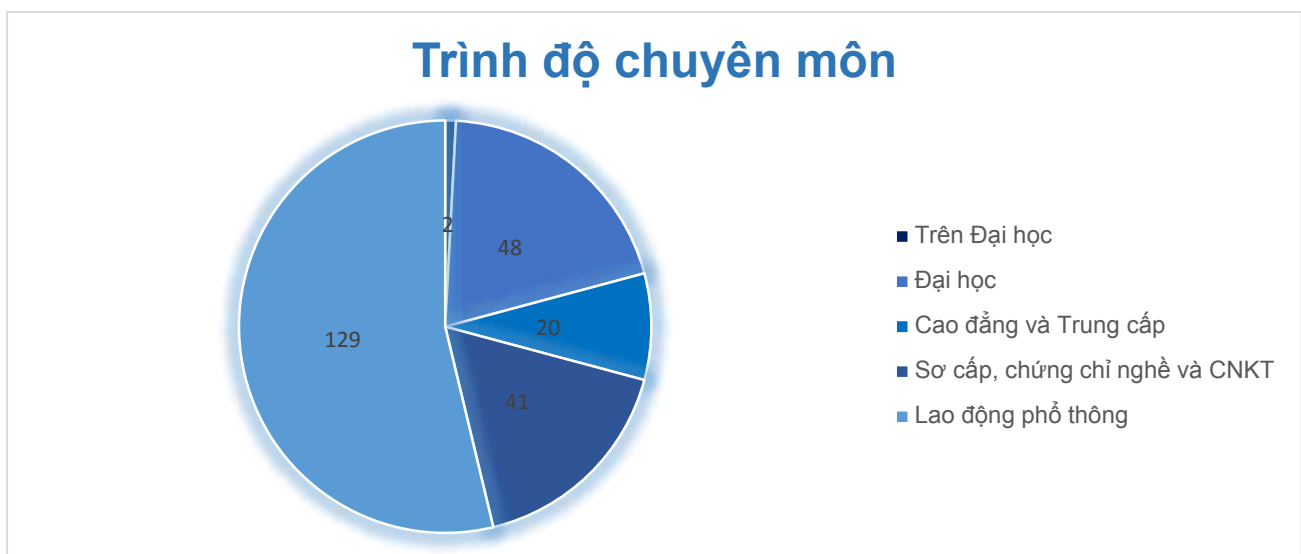
Trình độ Đại học: 48 người, chiếm 20% Tổng lao động.

Trình độ Cao đẳng và trung cấp: 20 người, chiếm 8,33% Tổng lao động.

Trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề và công nhân kỹ thuật: 41 người, chiếm 17,08% Tổng lao động.

Lao động phổ thông: 129 người, chiếm 53,75% Tổng lao động.

Công ty luôn hướng đến việc xây dựng môi trường lao động tốt, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật như: Chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động. Thu nhập bình quân trung bình năm 2019 là: 8.369.358 đồng/người tăng 11% so với năm 2018.



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Luôn chú trọng giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ cho người lao động. Công tác khám sức khỏe được thực hiện định kỳ hàng năm. Bên cạnh đó còn có chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Nhân dịp Tết Nguyên Đán hằng năm, Công đoàn Công ty tổ chức tặng cho toàn thể nhân viên những phần quà nhằm chăm lo đầy đủ phúc lợi cho người lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động

Tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên Công ty, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng năm tất cả nhân viên được tham dự khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động do Công ty kết hợp với Sở LĐTB&XH tỉnh Bình Dương tổ chức và tập huấn PCCC có sự hướng dẫn của Công An PCCC tỉnh Bình Dương.

Thường xuyên cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp như: kế toán, nhân sự, bảo hiểm xã hội, quản trị công ty, quản lý dự án, đào tạo kỹ thuật....

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các chính sách tại địa phương hoạt động với mong muốn góp một phần vào sự phát triển chung của xã hội. Cam kết với định hướng phát triển bền vững bằng tất cả trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của một doanh nghiệp, đề cao giá trị doanh nghiệp trong mối quan hệ với sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Xác định năng lực, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để xác định và lựa chọn sản phẩm mục tiêu để phát triển.

Tìm kiếm, xây dựng các mối liên kết và phát triển mạng lưới cung ứng.

Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

Bảo vệ môi trường là hành động mang tính cấp thiết nhằm xây dựng môi trường Xanh – Sạch – Đẹp. Xác định đây là tiêu chí quan trọng trong phương hướng và chiến lược xây dựng xã hội văn minh, cuộc sống xanh.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỒNG TUYÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ SƯƠNG
PHÓ TGD
THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN QUỐC THANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM HUY HẬU
PHÓ TGD
TÀI CHÍNH

NGUYỄN XUÂN CUÔNG
PHÓ TGD
KỸ THUẬT

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể nhân viên, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra, kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	278.060.083.489	412.897.099.979	148%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	83.567.953.290	137.070.606.885	164%
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	123.588.015.887	164.612.309.793	133%
	<i>Cống BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	61.084.714.312	97.268.358.075	159%
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	3.000.000.000	3.201.486.074	107%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	6.819.400.000	7.203.678.915	106%
2	Tổng chi phí	248.396.634.319	365.939.418.769	147%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	29.663.449.170	46.957.681.210	158%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.074.639.336	38.960.855.439	155%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Trong năm 2019, Công ty thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh hoạt động bán hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, kết hợp công tác quản lý chi phí nên đã hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, lợi nhuận đã vượt mức kế hoạch.

❖ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
A. Tài sản ngắn hạn	207.945.757.360	100,0 %	308.218.405.432	100%	100.272.648.072	32,5%
<i>1. Tiền</i>	<i>9.341.908.115</i>	<i>4,5%</i>	<i>73.812.142.265</i>	<i>24%</i>	<i>64.470.234.150</i>	<i>87,3%</i>
<i>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>53.716.427.522</i>	<i>25,8%</i>	<i>155.849.610.661</i>	<i>51%</i>	<i>102.133.183.139</i>	<i>65,5%</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	54.202.451.827	26,1%	155.122.159.261	50%	100.919.707.434	65,1%
Trả trước cho người bán	71.005.121	0,03%	975.385.868	0,3%	904.380.747	92,7%
Phải thu ngắn hạn khác	42.000.000	0,02%	349.180.006	0,1%	307.180.006	88,0%
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(599.029.426)	-0,3%	(597.114.474)	-0,2%	1.914.952	-0,3%

3. Hàng tồn kho	141.498.673.472	68,0%	77.482.010.940	25%	(64.016.662.532)	- 82,6%
4. Tài sản ngắn hạn khác	3.388.748.251	1,6%	1.074.641.566	0,3%	(2.314.106.685)	- 215,3%
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.921.512.766	0,9%	1.074.641.566	0,3%	(846.871.200)	- 78,8%
Thuế GTGT được khấu trừ	1.467.235.485	0,7%	-	0,0%	(1.467.235.485)	
B. Tài sản dài hạn	110.471.021.318	100%	106.155.840.438	100%	(4.315.180.880)	-4,1%
1. Tài sản cố định	23.715.030.753	21,5%	19.840.623.375	18,7%	(3.874.407.378)	- 19,5%
TSCĐ hữu hình	14.415.359.911	13,0%	10.843.912.684	10,2%	(3.571.447.227)	- 32,9%
Nguyên giá	112.519.977.838		104.834.287.594		(7.685.690.244)	-7,3%
Giá trị hao mòn lũy kế	(98.104.617.927)		(93.990.374.910)		4.114.243.017	-4,4%
TSCĐ vô hình	9.299.670.842	8,4%	8.996.710.691	8,5%	(302.960.151)	-3,4%
Nguyên giá	13.340.427.330		13.443.567.330		103.140.000	0,8%
Giá trị hao mòn lũy kế	(4.040.756.488)		(4.446.856.639)		(406.100.151)	9,1%
2. Đầu tư tài chính dài hạn	85.318.998.996	77,2%	85.700.664.493	80,7%	381.665.497	0,4%
Đầu tư vào công ty con	60.800.851.200	55,0%	60.800.851.200	70,9%	-	0,0%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.547.500.000	24,0%	26.547.500.000	31,0%	-	0,0%
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.029.352.204)	-1,8%	(1.827.686.707)	-2,1%	201.665.497	- 11,0%
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		0,0%	180.000.000	0,2%	180.000.000	100,0%
3. Tài sản dài hạn khác	1.436.991.569	1,3%	614.552.570	0,6%	(822.438.999)	- 133,8%
Chi phí trả trước dài hạn	1.436.991.569		614.552.570	0,6%	(822.438.999)	- 133,8%
TỔNG TÀI SẢN	318.416.778.678		414.374.245.870		95.957.467.192	23,2%
C. Nợ phải trả	124.857.756.815	100%	206.028.087.413	100%	81.170.330.598	39,4%
1. Nợ ngắn hạn	117.352.145.828	94,0%	195.663.807.051	95%	78.311.661.223	40,0%
Phải trả người bán ngắn hạn	97.638.716.788	78,2%	90.339.284.016	46%	(7.299.432.772)	-8,1%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.354.223.967	1,1%	865.622.837	0%	(488.601.130)	- 56,4%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	400.969.809	0,3%	6.916.163.635	4%	6.515.193.826	94,2%
Phải trả người lao động	2.296.470.137	1,8%	4.327.769.588	2%	2.031.299.451	46,9%

Chi phí phải trả ngắn hạn	565.198.000	0,5%	2.677.166.134	1%	2.111.968.134	78,9%
Phải trả ngắn hạn khác	1.590.444.114	1,3%	1.414.197.126	1%	(176.246.988)	- 12,5%
Vay ngắn hạn	10.240.648.222	8,2%	85.807.837.103	44%	75.567.188.881	88,1%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.296.502.759	1,0%	53.449.316	0%	(1.243.053.443)	- 2325,7 %
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.968.972.032	1,6%	3.262.317.296	2%	1.293.345.264	39,6%
2. Nợ dài hạn	7.505.610.987	6,0%	10.364.280.362	5%	2.858.669.375	27,6%
Dự phòng phải trả dài hạn	7.505.610.987	6,0%	10.364.280.362	5%	2.858.669.375	27,6%
D. Vốn chủ sở hữu	193.559.021.863	100%	208.346.158.457	100%	14.787.136.594	7,1%
Vốn góp chủ sở hữu	100.000.000.000	51,7%	100.000.000.000	48%	-	0,0%
Thặng dư vốn cổ phần	1.527.143.181	0,8%	1.527.143.181	1%	-	0,0%
Vốn khác chủ sở hữu	9.055.511.950	4,7%	9.055.511.950	4%	-	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	56.123.821.471	29,0%	56.123.821.471	27%	-	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.852.545.261	13,9%	41.639.681.855	20%	14.787.136.594	35,5%
<i>Lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>3.193.070.398</i>	<i>1,6%</i>	<i>8.713.371.879</i>	<i>4%</i>	<i>5.520.301.481</i>	<i>63,4%</i>
<i>Kỳ này</i>	<i>23.659.474.863</i>	<i>12,2%</i>	<i>32.926.309.976</i>	<i>16%</i>	<i>9.266.835.113</i>	<i>28,1%</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	318.416.778.678		414.374.245.870		95.957.467.192	23,2%

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2019: quy mô về vốn và tài sản của Công ty năm 2019 so với năm 2018 tăng 30% (tăng 95.957.467.192 đồng).

Trong cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao (74%) so với tài sản dài hạn (26%), Tài sản ngắn hạn tăng 100.272.648.072 đồng so với năm 2018. Trong hai năm 2018 và 2019 tỷ trọng tài sản ngắn hạn cao gấp đôi tài sản dài hạn, điều này cho thấy Công ty đang phát triển tốt và ổn định.

Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2019 tăng so với năm 2018, chứng tỏ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang mang lại hiệu quả kinh tế.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Quản trị công ty theo tình hình thực tế từng thời điểm, nắm bắt kịp thời thị trường để đề xuất HĐQT xem xét công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao nhất.

Thắt chặt công tác quản lý chi phí nhằm hạn chế tối đa việc lãng phí.

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật.

Xây dựng các chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút và duy trì được đội ngũ lao động chất lượng thông qua các chính sách lương thưởng theo kết quả làm việc, đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với người lao động theo luật lao động và có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

Thường xuyên trao đổi, hỗ trợ kịp thời lực lượng sản xuất thi công của Công ty để lực lượng sản xuất thi công an tâm công tác đáp ứng yêu cầu công việc và khách hàng.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp nối những kết quả đạt được trong năm 2019, dự đoán tình hình thuận lợi và khó khăn trong năm 2020 cùng với tình hình thực tế tại Công ty trong thời gian qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và đề ra phương hướng thực hiện cụ thể như sau:

❖ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC:

DVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	412.897.099.979	658.154.267.287
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	46.957.681.210	62.577.925.174
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.960.855.439	50.908.700.139
4	Cổ tức	5%	≥5%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

❖ Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020

DVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2019	Kế hoạch hợp nhất năm 2020
1	Tổng doanh thu	482.115.279.496	899.764.208.991
1.1	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>473.638.332.071</i>	<i>895.044.509.667</i>
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	<i>3.206.554.153</i>	<i>2.521.699.324</i>
1.3	<i>Thu nhập khác</i>	<i>5.270.393.272</i>	<i>2.198.000.000</i>
2	Tổng chi phí	424.840.536.684	794.371.155.435
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	57.274.742.812	105.393.053.556
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	45.862.526.564	85.320.066.715

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đề ra như trên, trong năm 2020 Ban Tổng giám đốc sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống, tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao uy tín thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất và thi công tại các công trường thông qua việc kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, các định mức, nhân công, ca máy....
- Nắm bắt cơ hội phát triển các ngành nghề kinh doanh khác bên cạnh các ngành nghề truyền thống; nắm bắt thông tin thị trường và đánh giá đúng tình hình thực tiễn của Công ty để đưa ra các biện pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Phát huy lợi thế từ nguồn nhân lực nhiều kinh nghiệm, không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi thích hợp để kịp thời khuyến khích người lao động có thành tích tốt trong công việc gắn bó đồng hành cùng Công ty.
- Chú trọng công tác an toàn lao động, giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình từ sản xuất đến thi công, từ nhà máy đến công trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

HĐQT thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ về các số liệu: sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, đầu tư phát triển sản xuất, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và các cổ đông...

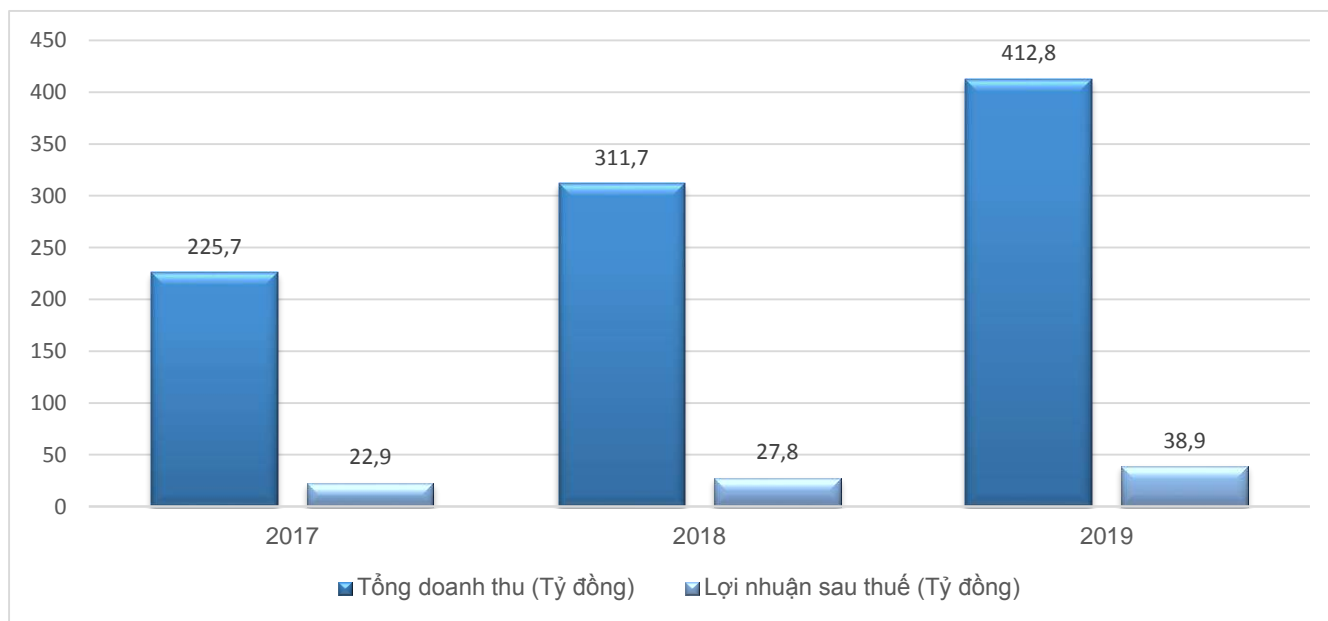
Trong năm 2019, HĐQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Được sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, với quyết tâm, nỗ lực đồng lòng của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo, Công ty đã đạt được mức tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	278.060.083.489	412.897.099.979	148%
2	Lợi nhuận trước thuế	29.663.449.170	46.957.681.210	158%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.074.639.336	38.960.855.439	155%



Doanh thu và lợi nhuận Công ty chuyển biến tích cực qua các năm gần đây.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác về những mặt hoạt động sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT.
- Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo thông tin được công bố chính

xác, kịp thời và tuân thủ quy định pháp luật.

- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, đầu tư và sử dụng nguồn vốn, tình hình công nợ, đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng.
- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai hiệu quả những chỉ đạo của Hội đồng quản trị để đem lại mức tăng trưởng tốt cho Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phát huy những kết quả đạt được của năm 2019, dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2020, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình ĐHĐCĐ như sau:

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty mẹ ACC:

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	412.897.099.979	658.154.267.287
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	46.957.681.210	62.577.925.174
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.960.855.439	50.908.700.139

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 hợp nhất:

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2019	Kế hoạch hợp nhất năm 2020
1	Tổng doanh thu	482.115.279.496	899.764.208.991
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	57.274.742.812	105.393.053.556
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	45.862.526.564	85.320.066.715
3.1	Lợi ích cổ đông công ty mẹ	42.339.968.607	76.921.270.495
3.2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3.522.557.957	8.398.796.220

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Để đạt được mục tiêu kế hoạch nêu trên, trong năm 2020 Hội đồng quản trị đưa ra các giải pháp trọng tâm như sau:

- Tiếp tục mở rộng thị trường kinh doanh, phát huy thế mạnh những lĩnh vực kinh doanh truyền thống đồng thời đa dạng hóa ngành nghề của Công ty.
- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, chú trọng hoạt động quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo Công ty phát triển bền vững.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính: khai thác hiệu quả các nguồn vốn và quỹ hiện có, đa dạng các hình thức huy động vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn...



QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị**Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

HĐQT được bầu bởi ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT (2018-2023) với số lượng 5 thành viên, trong đó cơ cấu:

1 Chủ tịch, 4 thành viên.

Thành viên	Chức danh	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng	Ghi chú
Ông: Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0	
		Đại diện sở hữu	2.490.000 CP (24.9%)	
Ông: Đặng Thành Kiên	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP	Miễn nhiệm kể từ ngày 30/8/2019
Ông: Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP	
Ông: Khuru Trí Trung	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP	Miễn nhiệm kể từ ngày 30/8/2019
Ông: Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP	
Ông: Nguyễn Đình Trường	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP	Được bầu kể từ ngày 30/8/2019
Ông: Hoàng Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân:	0 CP	Được bầu kể từ ngày 30/8/2019

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị tiếp tục tổ chức và triển khai các hoạt động được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Triệu tập và chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên; thông qua việc đầu tư tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác (ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện); bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính theo quy định.
- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng công tác quản trị từ các khâu: quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị rủi ro...
- Theo dõi sâu sát việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, từ đó có những chỉ đạo và phê chuẩn kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả.
- Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đặc biệt là việc kiểm tra công tác tài chính. Hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 27 cuộc họp, ban hành 29 Nghị quyết thông qua các chủ trương, vấn đề quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	14/01/2019	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Bình Dương để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
2	02/2019/NQ-HĐQT	21/02/2019	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
3	03/2019/NQ-HĐQT	28/02/2019	Chấp thuận việc ông Trương Đức Hùng từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT.
4	03-1/2019/NQ-HĐQT	28/02/2019	Chấp thuận việc ông Trương Đức Hùng từ nhiệm chức vụ Người đại diện vốn của ACC tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex và Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.
5	03-A/2019/NQ-HĐQT	28/02/2019	Chấp thuận việc ông Trương Đức Hùng từ nhiệm chức vụ Người đại diện vốn của ACC tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.
6	04/2019/NQ-HĐQT	01/3/2019	Bầu ông Quảng Văn Việt Cương giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023).
7	05/2019/NQ-HĐQT	13/3/2019	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
8	06/2019/NQ-HĐQT	20/3/2019	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
9	07/2019/NQ-HĐQT	23/3/2019	Thông qua nội dung tài liệu liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

10	08/2019/NQ-HĐQT	25/3/2019	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TM CP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
11	09/2019/NQ-HĐQT	02/4/2019	Bầu ông Phạm Xuân Phương giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023).
12	10/2019/NQ-HĐQT	03/4/2019	Cử ông Phạm Xuân Phương giữ chức vụ Người đại diện vốn của ACC tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.
13	11/2019/NQ-HĐQT	03/4/2019	Cử ông Phạm Xuân Phương giữ chức vụ Người đại diện vốn của ACC tại Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.
14	12/2019/NQ-HĐQT	10/5/2019	Quyết định số lượng và hình thức con dấu Công ty.
15	13/2019/NQ-HĐQT	14/5/2019	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc tài chính.
16	14/2019/NQ-HĐQT	15/5/2019	Thành lập phòng kinh doanh bất động sản và thay đổi số lượng con dấu Công ty.
17	15/2019/NQ-HĐQT 16/2019/NQ-HĐQT 17/2019/NQ-HĐQT	16/5/2019	Thông qua việc tiếp tục kế thừa toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (tên cũ) phát sinh với Ngân hàng Vietcombank-CN Bắc Bình Dương, Viettinbank-CN Đồng Nai và MB-CN Bình Dương.
18	18/2019/NQ-HĐQT	20/6/2019	Chọn đơn vị soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
19	19/2019/NQ-HĐQT	28/6/2019	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền.
20	20/2019/NQ-HĐQT	04/7/2019	Thông qua việc ký hợp đồng cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bình Dương.
21	21/2019/NQ-HĐQT	13/7/2019	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; phát triển kinh doanh bất động sản.
22	22/2019/NQ-HĐQT	25/7/2019	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.
23	23/2019/NQ-HĐQT	19/8/2019	Thông qua nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.
24	24/2019/NQ-HĐQT	25/9/2019	Thông qua việc nâng hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TM CP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai lên thành 75 tỷ đồng.
25	25/2019/NQ-HĐQT	07/10/2019	Thông qua việc thiết lập quan hệ tín dụng, bảo lãnh, giao dịch tiền gửi và các dịch vụ ngân hàng với Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ.
26	26/2019/NQ-HĐQT	23/10/2019	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề đầu tư tài sản, đầu tư dự án và một số vấn đề khác.
27	27/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

28	28/2019/NQ-HĐQT	25/11/2019	Thông qua nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.
29	29/2019/NQ-HĐQT	31/12/2019	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc thường trực, chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Phạm Thị Sương; thông qua chủ trương ký kết và phân công cho Người đại diện theo pháp luật, người có thẩm quyền được ký kết một số hợp đồng, giao dịch.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện tại Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Công ty vẫn đang theo dõi thời gian tổ chức các khóa đào tạo để đăng ký tham gia và sẽ sớm bổ sung các chứng chỉ cần thiết để báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Trương Văn Nghĩa	Trưởng BKS	0	0	Miễn nhiệm kể từ ngày 30/8/2019
Hoàng Văn Anh	Trưởng BKS	0	0	Được bầu kể từ ngày 12/9/2019
Trần Thanh Tùng	Thành viên BKS	0	0	Được bầu kể từ ngày 02/4/2019
Lê Thị Tươi	Thành viên BKS	0	0	Được bầu kể từ ngày 30/8/2019

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - năm 2020, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

- * Bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ III (2018-2023) ngày 03/4/2019 và ngày 12/09/2019.
- * Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán.
- * Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2019 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2019 BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- * Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- * Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập Báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.
- * Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước và người lao động bao gồm các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm ...
- * Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- * Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- * Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh; thẩm định các Báo cáo tài chính và thống nhất kết quả kinh doanh năm 2019 với một số chỉ tiêu chính như sau:

❖ Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH 2019/ KH 2019
1	Tổng doanh thu	278.060.083.489	412.897.099.979	148%
2	Tổng chi phí	248.396.634.319	365.939.418.769	147%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	29.663.449.170	46.957.681.439	158%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.074.639.336	38.960.855.439	155%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Những kết quả trên đã khẳng định tính đúng đắn, kịp thời của các giải pháp đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện, đồng thời thể hiện sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

- * Báo cáo tài chính năm 2019 được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. BKS thống nhất với nội dung của các Báo cáo tài chính trong năm 2019 của Công ty.
- * Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.
- * Tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị tổ chức 27 phiên họp với số lượng thành viên tham dự đầy đủ. Các phiên họp được tổ chức đúng trình tự, tuân thủ quy định về quyền biểu quyết đối với các thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan.

- * Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định các chiến lược phát triển Công ty, các Nghị quyết được ban hành đúng thẩm quyền, dựa trên các căn cứ pháp lý phù hợp, kịp thời đáp ứng được yêu cầu thực tiễn kinh doanh và nhu cầu quản trị.
- * Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 đúng thủ tục và thời gian, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- * Hội đồng quản trị đã chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- * Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, công tác nghiệm thu, thu hồi công nợ...

Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác

Trong năm 2019, Tổng giám đốc và người điều hành khác đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đem đến kết quả doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch đề ra.

- * Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2018, đã trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế đúng tỷ lệ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời các công việc được Hội đồng quản trị giao và ủy quyền.
- * Tổng giám đốc luôn tuân thủ quy định về công bố thông tin đúng theo các quy định áp dụng đối với tổ chức niêm yết.
- * Ban điều hành rất nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường cung cấp, giữ vững lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng.
- * Các người điều hành khác tăng cường công tác quản lý điều hành sát sao, quyết liệt và linh hoạt xuống mỗi phòng ban, bộ phận; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, thông suốt.
- * BKS đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc kiểm soát giá thành, cạnh tranh giá bán với các đơn vị cùng ngành thông qua việc tăng cường kiểm soát chặt chẽ các định mức, chi phí.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông

BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2019, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên	Thù lao HĐQT, BKS năm 2018, thưởng BDH năm 2018	Lương bình quân tháng trong năm 2019	Thưởng bình quân tháng trong năm 2019	GHI CHÚ
Hội đồng quản trị				
Phạm Xuân Phương		40.000.000	7.162.500	
Đặng Thành Kiên		35.000.000		Miễn nhiệm kể từ ngày 30/08/2019
Đỗ Mạnh Cường				
Nguyễn Đình Trường				Được bầu kể từ ngày 30/08/2019
Nguyễn Hải Đăng		15.000.000		
Hoàng Xuân Quang		35.000.000	6.360.417	Được bầu kể từ ngày 30/08/2019
Khuru Trí Trung				Miễn nhiệm kể từ ngày 30/08/2019
Trương Đức Hùng	75.000.000			Miễn nhiệm kể từ ngày 28/02/2019
Quảng Văn Viết Cường	75.000.000			Miễn nhiệm kể từ ngày 02/04/2019
Nguyễn Danh Tùng	67.000.000			Miễn nhiệm kể từ ngày 02/04/2019
Huỳnh Vĩnh Thành	67.000.000			Miễn nhiệm kể từ ngày 02/04/2019
Huỳnh Tấn An	45.000.000			Miễn nhiệm kể từ ngày 02/04/2019
Ban kiểm soát				
Trương Văn Nghĩa				Miễn nhiệm kể từ ngày 30/08/2019
Hoàng Văn Anh				Được bầu kể từ ngày 12/09/2019
Lê Thị Tươi				Được bầu kể từ ngày 30/08/2019

Thành viên	Thù lao HĐQT, BKS năm 2018, thưởng BDH năm 2018	Lương bình quân tháng trong năm 2019	Thưởng bình quân tháng trong năm 2019	GHI CHÚ
Trần Thanh Tùng		14.320.000	2.854.635	
Châu Thị Vân	56.000.000			Miễn nhiệm kể từ ngày 02/04/2019
Nguyễn Thị Thùy Dương	56.000.000			Miễn nhiệm kể từ ngày 02/04/2019
Phan Thị Thanh	30.000.000	7.713.605	1.600.573	Miễn nhiệm kể từ ngày 02/04/2019
Ngô Thị Minh Loan	20.000.000	15.335.262	3.146.572	Miễn nhiệm kể từ ngày 24/04/2018
Ban Tổng Giám đốc				
Nguyễn Hồng Tuyên	43.500.000	32.170.455	6.155.637	
Phạm Thị Sương	66.500.000	26.381.545	2.076.276	
Nguyễn Quốc Thanh		25.043.000	4.740.679	
Phạm Huy Hậu		25.043.000	4.740.679	
Nguyễn Xuân Cường	40.000.000	24.381.545	5.008.136	
Nguyễn Thị Thúy Vân	47.000.000	23.866.222	4.865.279	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Cty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung giao dịch / Thời điểm giao dịch	SL, tỷ lệ nắm giữ CP sau khi giao dịch
1	Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn; Tổ chức có liên quan với người nội bộ	370050458 3; Ngày cấp: 12/5/2014; Nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 265, Tờ bản đồ 41, khu phố 3A, phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	<p>* Thi công san lấp mặt bằng công viên. <i>Thời điểm giao dịch: 29/4/2019.</i></p> <p>* Cho thuê xe máy thiết bị. <i>Thời điểm giao dịch: 10/5/2019.</i></p> <p>* Thi công xây dựng nhà ở công nhân <i>Thời điểm giao dịch: 15/07/2019; 18/11/2019; 05/08/2019; 24/09/2019; 29/11/2019.</i></p> <p>* Cung cấp và thi công cọc Bê tông cốt thép. <i>Thời điểm giao dịch: 23/10/2019.</i></p> <p>* Thi công hàng rào và cổng chào. <i>Thời điểm giao dịch: 31/10/2019.</i></p> <p>* Thi công lát đá lối đi bộ công viên 1. <i>Thời điểm giao dịch: 01/11/2019.</i></p> <p>* Thi công xây dựng nhà phố thương mại. <i>Thời điểm giao dịch: 04/11/2019; 18/11/2019.</i></p>	2.490.000; chiếm 24,9%

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Cty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung giao dịch / Thời điểm giao dịch	SL, tỷ lệ nắm giữ CP sau khi giao dịch
2	Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	Công ty con; Tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700927878 ; Ngày cấp: 03/10/2019; Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương	112/125 Ấp Tân Thịnh, Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	* Mua bán đá các loại. <i>Thời điểm giao dịch: 02/01/2019.</i> * Tăng giá bán đá các loại. <i>Thời điểm giao dịch: 23/5/2019.</i>	
3	Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Công ty con; Tổ chức có liên quan với người nội bộ	3701799724; Ngày cấp: 04/6/2019; Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	* Mua đá granite. <i>Thời điểm giao dịch: 14/02/2019; 09/4/2019; 15/7/2019; 04/11/2019.</i> * Mua bán cát nghiền. <i>Thời điểm giao dịch: 04/09/2019; 05/10/2019.</i>	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6-7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 37
Phụ lục	38 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 31/10/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cầu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cầu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cầu kiện kim loại;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cầu kiện đúc sẵn, dịch vụ cẩu lắp;
- Cắt và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đô thị;
- Phá dỡ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019
Ông Quảng Văn Viết Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/03/2019 Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Hoàng Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Đặng Thành Kiên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Khuu Trí Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Huỳnh Tấn An	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/09/2019
Ông Trương Văn Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Phan Thị Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Châu Thị Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2015
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/07/2019 Miễn nhiệm ngày 13/02/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Phạm Thị Sương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014 Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/02/2020
Ông Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 14/05/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2019 đến 09/05/2019 là ông Nguyễn Hồng Tuyên - Tổng Giám đốc và từ ngày 10/05/2019 đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Thành Tài

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020



Số: 042/2020/BCKT-PB.00313

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đính kèm vào ngày 15/03/2019.



Lê Việt Cường

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN A&C VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2505-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.218.405.432	207.945.757.360
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.812.142.265	9.341.908.115
1. Tiền	111		73.812.142.265	9.341.908.115
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.849.610.661	53.716.427.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	155.122.159.261	54.202.451.827
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	975.385.868	71.005.121
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		349.180.006	42.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(597.114.474)	(599.029.426)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	77.482.010.940	141.498.673.472
1. Hàng tồn kho	141		77.482.010.940	141.498.673.472
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.074.641.566	3.388.748.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.074.641.566	1.921.512.766
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.467.235.485
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.155.840.438	110.471.021.318
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		19.840.623.375	23.715.030.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.843.912.684	14.415.359.911
- Nguyên giá	222		104.834.287.594	112.519.977.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.990.374.910)	(98.104.617.927)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	8.996.710.691	9.299.670.842
- Nguyên giá	228		13.443.567.330	13.340.427.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.446.856.639)	(4.040.756.488)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	85.700.664.493	85.318.998.996
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.800.851.200	60.800.851.200
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.547.500.000	26.547.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.827.686.707)	(2.029.352.204)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		614.552.570	1.436.991.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	614.552.570	1.436.991.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.374.245.870	318.416.778.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		206.028.087.413	124.857.756.815
I/ Nợ ngắn hạn	310		195.663.807.051	117.352.145.828
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	90.339.284.016	97.638.716.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	865.622.837	1.354.223.967
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.916.163.635	400.969.809
4. Phải trả người lao động	314		4.327.769.588	2.296.470.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	2.677.166.134	565.198.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.414.197.126	1.590.444.114
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	85.807.837.103	10.240.648.222
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		53.449.316	1.296.502.759
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.262.317.296	1.968.972.032
II/ Nợ dài hạn	330		10.364.280.362	7.505.610.987
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.364.280.362	7.505.610.987
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.346.158.457	193.559.021.863
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.16	208.346.158.457	193.559.021.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.527.143.181	1.527.143.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.639.681.855	26.852.545.261
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.713.371.879	3.193.070.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.926.309.976	23.659.474.863
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.374.245.870	318.416.778.678



Võ Thành Tài

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Vân

Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	402.175.063.327	304.343.276.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	22.302.500	8.693.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		402.152.760.827	304.334.582.563
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	336.071.932.295	252.022.791.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.080.828.532	52.311.791.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	7.203.678.915	7.153.592.266
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.936.206.796	414.476.432
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.137.872.293	1.077.679.440
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	11.191.092.533	11.219.815.508
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	16.712.378.172	14.830.407.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.444.829.946	33.000.683.924
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.540.660.237	231.993.217
12. Chi phí khác	32		27.808.973	9.895.608
13. Lợi nhuận khác	40		3.512.851.264	222.097.609
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.957.681.210	33.222.781.533
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	7.996.825.771	5.388.105.224
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.960.855.439	27.834.676.309

(*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

Vân Thị Anh Đào
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.957.681.210	33.222.781.533
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.169.970.315	5.186.183.321
- Các khoản dự phòng	03	1.412.035.483	5.023.937.333
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.380.546.296)	(7.317.792.278)
- Chi phí lãi vay	06	2.137.872.293	1.077.679.440
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.297.013.005	37.192.789.349
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(100.664.032.702)	5.728.861.116
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	64.016.662.532	(29.867.872.980)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(611.548.821)	29.633.556.486
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.669.310.199	173.291.864
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.137.872.293)	(1.077.679.440)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(4.684.556.429)	(5.887.312.465)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.880.373.581)	(3.695.394.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.995.398.090)	32.200.239.314
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(363.140.000)	(2.597.346.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.244.444.444	186.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(180.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.203.678.915	7.131.701.369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.904.983.359	4.720.445.505
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	142.580.661.335	24.026.713.608
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.013.472.454)	(39.112.247.541)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.006.540.000)	(17.977.137.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	57.560.648.881	(33.062.670.933)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	64.470.234.150	3.858.013.886
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.341.908.115	5.483.894.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	73.812.142.265	9.341.908.115



Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 31/10/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

1.6 Cấu trúc công ty

Công ty con Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	60.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700509408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 08 năm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 02 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công hợp... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên giá trị hợp đồng đối với các công trình xây dựng có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng hóa bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay;
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	452.666.484	26.307.434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.359.475.781	9.315.600.681
<i>NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương</i>	3.585.976.029	6.140.833.349
<i>NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ</i>	60.069.171.197	-
<i>Các Ngân hàng khác</i>	9.704.328.555	3.174.767.332
Cộng	73.812.142.265	9.341.908.115

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	31.401.608.261	-	22.440.000	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-	22.440.000	-
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu tư Bình Dương	31.401.608.261	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	123.720.551.000	(597.114.474)	54.180.011.827	(599.029.426)
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	33.029.633.994	-	25.218.592.145	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	58.171.643.375	-	16.653.882.634	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	26.719.443.645	-	6.582.256.464	-
Công ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương.	3.324.547.854	-	1.269.143.700	-
Các đối tượng khác	2.475.282.132	(597.114.474)	4.456.136.884	(599.029.426)
Cộng	155.122.159.261	(597.114.474)	54.202.451.827	(599.029.426)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	975.385.868	-	71.005.121	-
Công ty Cổ Phần UTC2	-	-	56.727.000	-
Công Ty CP Xây Dựng Hạ Tầng Thanh Bình	438.981.309	-	-	-
Công ty TNHH Vifico	268.868.160	-	-	-
Các đối tượng khác	267.536.399	-	14.278.121	-
Cộng	975.385.868	-	71.005.121	-

5.4 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	110.283.494	(110.283.494)	160.283.494	(112.198.446)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ-Xây dựng Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH TV XD SX TM DV Nhật Minh Quang	9.885.840	(9.885.840)	9.885.840	(9.885.840)
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tân Hưng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
DNTN Đại Tuấn Thành	19.362.988	(19.362.988)	19.362.988	(19.362.988)
Cộng	597.114.474	(597.114.474)	647.114.474	(599.029.426)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu kỳ	599.029.426	669.029.426
Trích lập trong năm	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	(1.914.952)	(70.000.000)
Số dư cuối kỳ	597.114.474	599.029.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường (*)	9.163.312.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.220.520.190	-	13.236.059.844	-
Công cụ, dụng cụ	90.121.723	-	56.047.139	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.116.152.133	-	118.096.537.455	-
Thành phẩm	7.860.596.068	-	10.077.269.364	-
Hàng hoá	31.308.826	-	32.759.670	-
Cộng	77.482.010.940	-	141.498.673.472	-

(*) Theo hợp đồng mua bán số 131-23/2019/HĐMB-AHP ngày 30/11/2019 giữa Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC với giá trị lưu kho tại kho người bán 7.944.750.000 đồng; hợp đồng nguyên tắc số 17/2019/ABG-HĐNT ngày 04/11/2019 giữa Công ty CP Đá ốp lát An Bình và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC với giá trị lưu kho tại kho người bán là 1.218.562.000 đồng.

5.6 Chi phí trả trước**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	898.855.124	919.898.074
Chi phí vận chuyển đá	-	342.431.511
Các khoản khác	175.786.442	659.183.181
Cộng	1.074.641.566	1.921.512.766

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	304.281.274	793.372.777
Chi phí bản quyền phần mềm	36.672.625	76.679.125
Chi phí sửa chữa	273.598.671	553.916.667
Các khoản khác	-	13.023.000
Cộng	614.552.570	1.436.991.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình				
	Quyền thuê đất	Chương trình phần mềm	Chi phí thiết kế sản phẩm	Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	11.769.135.713	619.359.800	951.931.817	13.340.427.330	
Mua trong kỳ	-	-	103.140.000	103.140.000	
Số dư tại 31/12/2019	<u>11.769.135.713</u>	<u>619.359.800</u>	<u>1.055.071.817</u>	<u>13.443.567.330</u>	
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2019	2.758.808.169	579.672.527	702.275.792	4.040.756.488	
Khấu hao trong kỳ	246.858.288	39.687.273	119.554.590	406.100.151	
Số dư tại 31/12/2019	<u>3.005.666.457</u>	<u>619.359.800</u>	<u>821.830.382</u>	<u>4.446.856.639</u>	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2019	9.010.327.544	39.687.273	249.656.025	9.299.670.842	
Số dư tại 31/12/2019	<u>8.763.469.256</u>	<u>-</u>	<u>233.241.435</u>	<u>8.996.710.691</u>	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 0 VND, tại 01/01/2019 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 1.162.200.708 VND, tại 01/01/2019 là 643.450.908 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	11.629.778.901	62.895.487.862	35.940.663.686	1.710.281.208	343.766.181	112.519.977.838
Mua trong kỳ	-	260.000.000	-	-	-	260.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(73.632.906)	(6.988.725.288)	(883.332.050)	-	(7.945.690.244)
Số dư tại 31/12/2019	11.629.778.901	63.081.854.956	28.951.938.398	826.949.158	343.766.181	104.834.287.594
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2019	10.072.488.349	57.912.906.993	28.245.557.738	1.580.043.479	293.621.368	98.104.617.927
Khấu hao trong kỳ	625.219.246	1.093.084.930	1.969.569.911	59.175.629	16.820.448	3.763.870.164
Thanh lý, nhượng bán	-	(73.632.906)	(6.953.537.094)	(850.943.181)	-	(7.878.113.181)
Số dư tại 31/12/2019	10.697.707.595	58.932.359.017	23.261.590.555	788.275.927	310.441.816	93.990.374.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	1.557.290.552	4.982.580.869	7.695.105.948	130.237.729	50.144.813	14.415.359.911
Số dư tại 31/12/2019	932.071.306	4.149.495.939	5.690.347.843	38.673.231	33.324.365	10.843.912.684

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 4.016.122.645 VND, tại 01/01/2019 là 5.546.903.435 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 77.567.461.928 VND, tại 01/01/2019 là 79.795.451.161 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	DP VND	Giá gốc VND	Giá hợp lý (i) VND
5.9 Đầu tư tài chính dài hạn				
5.9.1 Đầu tư góp vốn				
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	60.800.851.200	(1.630.574.704)	60.800.851.200	(1.832.240.201)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	47.134.351.200	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	13.666.500.000	(1.630.574.704)	13.666.500.000	(1.832.240.201)
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	26.547.500.000	(197.112.003)	26.547.500.000	(197.112.003)
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	24.900.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(197.112.003)	1.647.500.000	(197.112.003)
Cộng	87.348.351.200	(1.827.686.707)	87.348.351.200	(2.029.352.204)

Tình hình hoạt động của công ty con

Xem thuyết minh số 1.6

Giá trị hợp lý

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con

Xem thuyết minh số 7.2.3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	4.479.600	74,66%	74,66%	4.479.600	74,66%	74,66%
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.350.000	60,00%	60,00%	1.350.000	60,00%	60,00%

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	12,45%	2.490.000	12,45%	12,45%
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	10,98%	85.670	10,98%	10,98%

5.9.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn				
Trái phiếu (*)	180.000.000	180.000.000	-	-
Cộng	180.000.000	180.000.000	-	-

(*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành:

Thông tin chi tiết về trái phiếu:

Thời điểm phát hành:	27/09/2019;
Kỳ hạn gốc:	120 tháng;
Kỳ hạn còn lại:	117 tháng;
Số lượng trái phiếu:	18 trái phiếu;
Mệnh giá:	10.000.000 VND;
Lãi suất:	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm;
Phương thức nhận lãi:	Định kỳ 01 năm/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	14.640.972.868	14.640.972.868	8.569.961.418	8.569.961.418
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	10.961.427.530	10.961.427.530	8.526.436.068	8.526.436.068
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3.679.545.338	3.679.545.338	43.525.350	43.525.350
Các bên khác	75.698.311.148	75.698.311.148	89.068.755.370	89.068.755.370
Hợp tác xã Anh Hào	3.308.053.287	3.308.053.287	5.889.008.001	5.889.008.001
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	9.239.649.996	9.239.649.996	5.676.468.903	5.676.468.903
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	11.817.910.500	11.817.910.500	7.861.788.700	7.861.788.700
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	6.450.846.400	6.450.846.400	6.031.626.200	6.031.626.200
Phải trả cho các đối tượng khác	44.881.850.965	44.881.850.965	63.609.863.566	63.609.863.566
Cộng	90.339.284.016	90.339.284.016	97.638.716.788	97.638.716.788

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	865.622.837	865.622.837	1.354.223.967	1.354.223.967
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Xây dựng Nam Sài Gòn S.S.A	-	-	191.990.782	191.990.782
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Ngọc Điền	85.570.811	85.570.811	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Xây dựng Hồng Hà	299.600.920	299.600.920	-	-
Công ty TNHH Thiết kế Và Đầu tư Trọng Anh	98.701.020	98.701.020	-	-
Các đối tượng khác	381.750.086	381.750.086	662.233.185	662.233.185
Cộng	865.622.837	865.622.837	1.354.223.967	1.354.223.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	1.414.197.126	1.414.197.126	1.590.444.114	1.590.444.114
Kinh phí công đoàn	158.799.807	158.799.807	396.505.759	396.505.759
Phải trả khác	1.255.397.319	1.255.397.319	1.193.938.355	1.193.938.355
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	381.089.866	381.089.866	482.365.293	482.365.293
Phải trả về cổ tức	35.143.000	35.143.000	41.683.000	41.683.000
Thù lao HĐQT	501.492.788	501.492.788	-	-
Các khoản khác	337.671.665	337.671.665	669.890.062	669.890.062
Cộng	1.414.197.126	1.414.197.126	1.590.444.114	1.590.444.114

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí dịch vụ	1.423.551.443	136.500.000
Chi phí vật tư	928.073.991	-
Chi phí quà tặng tri ân khách hàng trích trước	194.456.700	117.000.000
Các khoản khác	131.084.000	311.698.000
Cộng	2.677.166.134	565.198.000

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	3.143.799.869	11.647.653.198	14.791.453.067	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.705.782.184	4.684.556.429	7.996.825.771	393.512.842
Thuế thu nhập cá nhân	66.581.582	736.116.527	795.241.142	7.456.967
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	6.916.163.635	17.071.326.154	23.586.519.980	400.969.809

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Bình Dương (*)	19.349.830.107	19.349.830.107	41.600.483.029	22.250.652.922	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (**)	23.731.694.628	23.731.694.628	58.253.865.938	44.762.819.532	10.240.648.222	10.240.648.222
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (***)	42.726.312.368	42.726.312.368	42.726.312.368	-	-	-
Cộng	85.807.837.103	85.807.837.103	142.580.661.335	67.013.472.454	10.240.648.222	10.240.648.222

(*) Hợp đồng vay theo hạn mức số 003A19/HM-QLN ngày 30/01/2019 kèm theo phụ lục sửa đổi, bổ sung số 01/003A19/HM-QLN ngày 12/06/2019:

- Hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: Tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: Ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:
 - Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 214TC16 ngày 30/06/2016.
 - Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 215TC16 ngày 30/06/2016.

(**) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2019-HĐCVHM/NHCT680-ACC ngày 17/05/2019 và hợp đồng hạn mức số 300268746/2019-HĐCVHM/NHCT680-BECAMEX ACC ngày 25/03/2019:

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 17/05/2019 đến hết ngày 19/03/2020;
- Mục đích sử dụng: Các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Thời gian trả lãi: Ngày 26 hàng tháng;
 - Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng 01/2017-HĐTC/ACC-MMTB ký ngày 23/02/2017.
- (***) Hợp đồng vay theo hạn mức số 01/2019/2451719/HĐTD ngày 27/09/2019:
- Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng;
 - Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 29/09/2019 đến hết ngày 31/05/2020;
 - Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngân hàng không cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư tài chính;
 - Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Thời gian trả lãi: 25 hàng tháng;
 - Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng 01/2019/2451719/HĐBĐ ngày 27/09/2019 giữa Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ.

5.16 Vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	21.193.070.398	187.899.547.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	27.834.676.309	27.834.676.309
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(4.175.201.446)	(4.175.201.446)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2018	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	26.852.545.261	193.559.021.863
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	26.852.545.261	193.559.021.863
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	38.960.855.439	38.960.855.439
Trích lập quỹ kỳ này (*)	-	-	-	-	(6.034.545.463)	(6.034.545.463)
Trích lập quỹ kỳ trước	-	-	-	-	(139.173.382)	(139.173.382)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	41.639.681.855	208.346.158.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.175.201.446	3.443.022.780
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	139.173.382	114.767.426
Chia cổ tức	18.000.000.000	18.000.000.000
Tổng	22.314.374.828	21.557.790.206

(*) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/04/2019 với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	-	-	0,00%	7.336.704	73.367.040.000	73,37%
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	2.490.000	24.900.000.000	24,90%	-	-	0,00%
Ông Hoàng Xuân Quang	2.480.000	24.800.000.000	24,80%	-	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	2.366.704	23.667.040.000	23,67%	-	-	0,00%
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	999.200	9.992.000.000	9,99%	-	-	0,00%
Các cổ đông khác	1.664.096	16.640.960.000	16,64%	2.663.296	26.632.960.000	26,63%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	18.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	97.286.839.475	91.710.353.864
Doanh thu thi công công trình	301.682.916.678	209.050.704.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	3.205.307.174	3.582.218.047
Cộng	402.175.063.327	304.343.276.363

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	28.649.376.091	2.275.000
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	194.504.333
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	8.320.900	-
Cộng	28.657.696.991	196.779.333

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	22.302.500	8.693.800
Cộng	22.302.500	8.693.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	71.513.702.430	68.182.696.469
Giá vốn của thi công công trình	262.353.104.441	181.667.434.095
Giá vốn dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	2.205.125.424	2.172.660.918
Cộng	336.071.932.295	252.022.791.482

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	484.278.915	434.192.266
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.719.400.000	6.719.400.000
Cộng	7.203.678.915	7.153.592.266

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	2.137.872.293	1.077.679.440
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(201.665.497)	(663.203.008)
Cộng	1.936.206.796	414.476.432

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	2.817.230.327	2.963.861.223
Chi phí vật liệu, bao bì	758.325.756	1.060.543.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.237.365.265	6.203.454.164
Các khoản chi phí bán hàng khác	378.171.185	991.956.170
Cộng	11.191.092.533	11.219.815.508

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.396.565.087	7.838.338.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	821.211.291	964.951.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.532.598.615	3.891.855.249
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.963.918.131	2.205.262.182
Cộng	16.714.293.124	14.900.407.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.914.952)	(70.000.000)
Cộng	(1.914.952)	(70.000.000)
6.7 Thu nhập khác		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.176.867.381	186.090.909
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình	1.363.376.183	-
Các khoản khác	416.673	45.902.308
Cộng	3.540.660.237	231.993.217
6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.957.681.210	33.222.781.533
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(6.973.552.348)	(8.262.952.154)
Các khoản điều chỉnh tăng	501.739.178	5.196.635.710
Các khoản chi phí không được trừ	501.739.178	5.196.635.710
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.719.400.000)	(6.719.400.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	(6.719.400.000)	(6.719.400.000)
Các khoản giảm khác	(755.891.526)	(6.740.187.864)
Thu nhập tính thuế TNDN	39.984.128.862	24.959.829.379
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	7.996.825.771	4.991.965.876
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	7.996.825.771	4.991.965.876
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	396.139.348
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.996.825.771	5.388.105.224

(*) Tiền nhận cổ tức được chia từ Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.697.336.979	199.437.626.811
Chi phí nhân công	34.825.487.197	32.088.538.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.169.970.315	5.186.183.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.815.431.190	64.721.139.123
Chi phí khác bằng tiền	5.684.008.913	4.406.099.577
Cộng	289.192.234.594	305.839.587.116

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	Công ty con
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Công ty con

7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương	2.730.907.813	1.426.407.907
Tiền thưởng	331.054.033	265.447.426

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty CP Đá ốp lát An Bình		
Cung cấp dịch vụ xe xúc, vận chuyển đá	-	20.400.000
Cung cấp xúc cát, ủi máng xay, vận chuyển đá mi bụi	-	174.104.333
Mua đá thành phẩm	2.628.968.925	318.267.000
Mua cát nghiền	720.016.300	88.739.090
Nhận thi công lắp đặt mặt bếp đá Granite	61.687.636	-
Thu tiền thuê xúc gàu, thuê xe ben	22.440.000	215.670.766
Thu kinh phí công đoàn, đoàn phí	29.946.166	34.266.241
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP		
Thuê máy nghiền đá	-	90.909.090
Nhận tiền cổ tức	6.719.400.000	6.719.400.000
Thanh toán	10.081.270.621	2.570.037.950
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ di dời container	3.300.000	2.275.000
Thu tiền dịch vụ	112.705.349	2.502.500
Cung cấp dịch vụ thi công	28.546.916.601	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển đá	76.645.680	-
Cho thuê xe cuốc bánh	22.513.810	-

7.2.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

7.3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.3.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống công thoát nước các loại;
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

7.3.2. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này.



Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Kỳ này				
Tổng doanh thu	97.277.942.875	301.673.331.878	3.201.486.074	402.152.760.827
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	97.277.942.875	301.673.331.878	3.201.486.074	402.152.760.827
Chi phí trực tiếp	71.513.702.430	262.353.104.441	2.205.125.424	336.071.932.295
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	25.764.240.445	39.320.227.437	996.360.650	66.080.828.532
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	103.140.000	1.010.933.820		1.114.073.820
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.041.154.081	3.183.852.735		5.225.006.816

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Kỳ trước				
Tổng doanh thu	91.702.303.264	209.050.704.452	3.581.574.847	304.334.582.563
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	91.702.303.264	209.050.704.452	3.581.574.847	304.334.582.563
Chi phí trực tiếp	68.182.696.469	181.667.434.095	2.172.660.918	252.022.791.482
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	23.519.606.795	27.383.270.357	1.408.913.929	52.311.791.081
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.031.596.273	2.428.460.000		3.460.056.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.367.960.232	2.550.939.558		4.918.899.790

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	34.698.411.979	211.449.455.252	44.630.345	246.192.497.576
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				168.132.784.927
Tổng tài sản				414.325.282.503
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.473.909.417	73.650.546.578	1.334.040	93.125.790.034
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				112.892.504.705
Tổng nợ phải trả				206.018.294.740
Số đầu kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.157.800.773	176.634.838.120	346.541.239	213.139.180.132
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				105.277.598.546
Tổng tài sản				318.416.778.678
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21.270.955.228	78.978.138.566	350.389.406	100.599.483.200
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				24.258.273.615
Tổng nợ phải trả				124.857.756.815

Bình Dương, ngày 18 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



A red circular stamp from Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC. The stamp contains the text: "M.S.D.N. 3111/2019/Đ.T. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG". A blue ink signature is written over the stamp.

PHẠM XUÂN PHƯƠNG